TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày: 15-9-2025
"*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ P toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Thành.
2. Bà Phan Thị Hiền.

- Thư ký P tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Nữ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh Gia Lai tham gia P tòa: Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Quốc P, sinh năm 1950 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1958 (vắng mặt lần 02).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan*:

+ Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1951 (vắng mặt, có đơn);

+ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1959 (vắng mặt lần 02).

+ Bà Bùi Thị Mỹ L2, sinh năm 1974; ông Bùi Thiên P1, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn);

+ Bà Bùi Thị Mỹ L1, sinh năm 1981; ông Bùi Quốc H, sinh năm 1978;

Đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Mỹ L1, ông Bùi Quốc H: Ông Bùi Quốc P (có mặt).

Đồng trú: thôn G2, xã BK, tỉnh Gia Lai (xã TG, huyện T, tỉnh Bình Định cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (về việc tranh chấp quyền sử dụng đất), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Bùi Quốc P trình bày: Hộ gia đình ông được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng thửa đất số 847 (cũ 1182), tờ bản đồ 29 (cũ 01), diện tích 432m^2

(cũ: 410m^2 - đất trồng cây hàng năm khác) ở thôn G2, xã TG, huyện T, tỉnh Bình Định (theo Giấy chứng nhận QSD đất số H 6668 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 05/11/2007), tại thời điểm cấp đất hộ ông có 06 nhân khẩu gồm: ông, vợ ông Huỳnh Thị L, ông Bùi Quốc H và 3 con là Bùi Thị Mỹ L1, Bùi Thị Mỹ L2, Bùi Thiên P1. Tuy nhiên, ông Bùi Thanh T lại lấn chiếm sử dụng toàn bộ thửa đất 847 của gia đình ông, hiện đang trồng cây keo trên đất. Ông đã khiếu nại lên xã nhưng không giải quyết được. Nay ông yêu cầu ông T khai thác toàn bộ cây keo, giao trả đất trống thửa đất số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 cho hộ ông toàn quyền sử dụng. Việc ông Bùi Thanh T, bà Huỳnh Thị N cho rằng vợ ông đã bán thửa đất này cho vợ chồng ông T với giá 50.000đ là không đúng sự thật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Thanh T trình bày: Ông là anh họ của ông Bùi Quốc P, vợ ông Huỳnh Thị N là em ruột bà Huỳnh Thị L (vợ ông P). Thửa đất số thửa đất số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 thì nằm liền kề bên thửa đất số 492 của ông. Vào thời điểm năm 1994 thì ông Bùi Quốc P có được cấp thửa đất số 847 này. Sau đó, ông P không có sử dụng đất mà đem thửa đất đó bán cho vợ chồng ông với giá 50.000đ. Khi đó mua đất hai bên chỉ nói miệng, tiền mua đất thì do bà Huỳnh Thị N đã đưa cho bà L (vợ ông P). Từ khi mua đất đến nay thì ông đã lấy đất về sử dụng. Ông đã làm thủ tục xin cấp đổi và được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 492, tờ bản đồ số 29, diện tích 973m^2, khi đó toàn bộ đám đất này là của ông. Ông đã trồng cây bạch đàn trên toàn bộ diện tích đất. Vì vậy, không đồng ý trả đất cho ông P.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà là vợ ông Bùi Thanh T, là em ruột bà Huỳnh Thị L (vợ ông P). Bà hoàn toàn thống nhất như ông T đã trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng và việc mua bán đất. Vợ chồng ông P đã thửa đất đó bán cho vợ chồng bà với giá 50.000đ. Khi đó mua đất hai bên chỉ nói miệng, tiền mua đất thì do bà đưa cho bà L (vợ ông P). Từ khi mua đất đến nay thì vợ chồng bà đã lấy đất về sử dụng; đã trồng cây bạch đàn trên toàn bộ diện tích đất. Vì vậy, không đồng ý trả đất cho ông P.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà là vợ ông Bùi Quốc P. Bà hoàn toàn thống nhất như lời khai và yêu cầu của ông Bùi Quốc P. Yêu cầu Tòa án buộc ông T khai thác toàn bộ cây keo, giao trả đất trống thửa đất số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 cho hộ gia đình bà toàn quyền sử dụng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Bùi Quốc H, Bùi Thị Mỹ L1, Bùi Thị Mỹ L2 (đại diện theo ủy quyền ông Bùi Quốc P), Bùi Thiên P1 trình bày: Các ông bà là con ruột ông Bùi Quốc P, bà Huỳnh Thị L. Các ông bà hoàn toàn thống nhất như lời khai và yêu cầu của ông Bùi Quốc P, bà Huỳnh Thị L. Yêu cầu Tòa án buộc ông T khai thác toàn bộ cây keo, giao trả đất trống thửa đất số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 cho hộ gia đình các anh chị toàn quyền sử dụng.

UBND xã TG có ý kiến:

1. Theo hồ sơ địa chính cũ thể hiện:

- Sổ mục kê Quyển 1 trang 38: thửa 1182, tờ bản đồ số 01, diện tích 410m2, loại đất màu mang tên ông Bùi Quốc P, thửa 1183, tờ bản đồ số 01, diện tích 560m2, loại đất màu mang tên ông Bùi Thanh T.

- Sổ địa chính Quyển 3, thôn Tả Giang:

+ Trang 410: UBND huyện Tây Sơn cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Bùi Quốc P gồm 11 thửa đất trong đó có thửa 1182, tờ bản đồ số 01, diện tích 410m^2 (đất màu);

+ Trang 546: UBND huyện Tây Sơn cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Bùi Thanh T gồm 15 thửa đất trong đó có thửa 1183, tờ bản đồ số 01, diện tích 560m^2 (đất màu);

2. Theo hồ sơ địa chính mới thể hiện:

- Sổ mục kê Quyển 3 trang 85: thửa 847, tờ bản đồ số 29, chủ sử dụng là hộ ông Bùi Quốc P, đã được cấp Giấy CNQSD đất

- Sổ mục kê Quyển 3 trang 75: thửa 492, tờ bản đồ số 29, chủ sử dụng là hộ ông Bùi Thanh T, đã được cấp Giấy CNQSD đất.

- Sổ địa chính Quyển 3, thôn Tả Giang:

+ Trang 30: UBND huyện Tây Sơn cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Bùi Quốc P và bà Huỳnh Thị L gồm 11 thửa đất trong đó có thửa 847, tờ bản đồ số 29, diện tích 432m^2 (đất trồng cây hàng năm khác);

+ Trang 100: UBND huyện Tây Sơn cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Bùi Thanh T gồm 13 thửa đất trong đó có thửa 492, tờ bản đồ số 29, diện tích 973m^2 (đất màu);

So sánh giữa hai hệ thống hồ sơ địa chính, nhận thấy: hai thửa đất số 847 và 492, đều thuộc tờ bản đồ số 29 tuy có số hiệu cách xa nhau nhưng thực tế liền kề nhau. Hai ông Bùi Quốc P và Bùi Thanh T đều có diện tích sử dụng tăng so với lúc được giao đất ban đầu.

UBND huyện Tây Sơn (cũ) có ý kiến:

1/ Về việc cấp đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Thực hiện việc cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ ông Bùi Quốc P đã được cân đối giao quyền sử dụng đất, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; trong đó có thửa đất số 1182, tờ bản đồ 01, diện tích 410m^2 (đất trồng cây hàng năm khác) ở thôn Tả Giang 2, xã Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định (trang 38 Sổ Mục kê quyển 1 cũ; trang 410 Sổ Địa chính quyển 3 cũ). Theo bản đồ đo đạc hệ tọa độ chính quy VN2000, thửa đất số 1182 được đo đạc thành thửa số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 (trang 30 Sổ Địa chính quyển 3 mới) và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành H 6668 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 05/11/2007.

- Hộ ông Bùi Thanh T cũng được cân đối giao quyền sử dụng đất, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; trong đó có thửa đất số 1183, tờ bản đồ 01, diện tích 560m^2 (đất trồng cây hàng năm khác) ở thôn Tả Giang 2, xã Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định (trang 38 Sổ Mục kê quyển 1 cũ;

trang 546 Sổ Địa chính quyển 3 cũ). Theo bản đồ đo đạc hệ tọa độ chính quy VN2000, thửa đất số 1183 được đo đạc thành thửa số 492, tờ bản đồ 29, diện tích 973m^2 (trang 30 Sổ Địa chính quyển 3 mới) và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành H 7164 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 05/11/2007.

Việc cấp đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất đối với hộ ông Bùi Quốc P, hộ ông Bùi Thanh T là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

2/ Về vị trí, ranh giới giữa hai thửa đất, biến động sử dụng đất:

So sánh giữa hai hệ thống hồ sơ địa chính, nhận thấy: hai thửa đất số 847 và 492, đều thuộc tờ bản đồ số 29 (cũ là thửa số 1182 và 1183, tờ bản đồ số 01) tuy có số hiệu cách xa nhau nhưng thực tế nằm liền kề nhau. Theo bản đồ 299 thể hiện ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng. Từ khi cấp đất đến nay, cả hai thửa đất số 847 và 492, đều thuộc tờ bản đồ số 29 không bị thu hồi phần diện tích nào.

Thực tế qua đo đạc lại theo bản đồ hệ tọa độ VN2000, hai thửa đất số 847 và 492, đều thuộc tờ bản đồ số 29 đều có diện tích tăng hơn so diện tích được cấp ban đầu. Lý do: sai số đo đạc.

3/ Về yêu cầu của hộ ông Bùi Quốc P đòi ông Bùi Thanh T hoàn trả thửa đất số 492, tờ bản đồ số 29, diện tích 973m^2: Đề nghị Tòa án căn cứ vào những quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

* Tại phiên xem xét thẩm định ngày 15/7/2025 và sơ đồ đo vẽ xác định:

- Thửa đất số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 (đất trồng cây hàng năm khác).

- Thửa đất số 492, tờ bản đồ 29, diện tích 973m^2 (đất trồng cây hàng năm khác).

Trên toàn bộ hai thửa đất 847 và 492 trồng cây bạch đàn khoảng 03 năm tuổi có quy cách: cây cách cây cây 01m, hàng cách hàng 1,5m; đường kính gốc cây không đều (do khác nhau về thời điểm trồng), đường kính cây lớn nhất khoảng 6-7cm, đường kính cây nhỏ nhất khoảng 3-4cm.

* Theo chứng thư thẩm định giá của Chi nhánh Công ty cổ phần Thẩm định giá VinaControl tại Đà Nẵng: giá thị trường của thửa đất số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 là 67.824.000đ (157.000đ/m^2).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán, HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều Điều 26, 31 của Luật đất đai năm 2024; các Điều 163, 164 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc P: Buộc vợ chồng ông Bùi Thanh T, bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ khai thác toàn bộ cây bạch đàn để trả lại đất trống thửa đất số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 (theo Giấy chứng nhận QSD đất số phát

hành AH 378804, số vào sổ H00349 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 28/8/2007) cho hộ gia đình ông Bùi Quốc P Toàn quyền sử dụng.

Án phí, chi phí định giá đo vẽ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại P tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại P tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia P tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn: ông Bùi Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh Thị N - vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp L2; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Huỳnh Thị L, Bùi Quốc H, Bùi Thị Mỹ L1, Bùi Thị Mỹ L2, Bùi Thiên P1 - vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, có đại diện theo ủy quyền (ông Bùi Quốc P) có mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Theo các chứng cứ do các bên cung cấp, ý kiến của UBND xã TG về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất; ý kiến của UBND huyện Tây Sơn, có đủ cơ sở để xác định như sau:

2.1. Thực hiện việc cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ ông Bùi Quốc P đã được cân đối giao quyền sử dụng đất, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; trong đó có thửa đất số 1182, tờ bản đồ 01, diện tích 410m^2 (đất trồng cây hàng năm khác) ở thôn G2, xã TG, TS, Bình Định (trang 38 Sổ Mục kê quyển 1 cũ; trang 410 Sổ Địa chính quyển 3 cũ). Theo bản đồ đo đạc hệ tọa độ chính quy VN2000, thửa đất số 1182 được đo đạc thành thửa số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 (trang 30 Sổ Địa chính quyển 3 mới) và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành H 6668 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 05/11/2007.

- Hộ ông Bùi Thanh T cũng được cân đối giao quyền sử dụng đất, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; trong đó có thửa đất số 1183, tờ bản đồ 01, diện tích 560m^2 (đất trồng cây hàng năm khác) ở G2, xã TG, TS, Bình Định (trang 38 Sổ Mục kê quyển 1 cũ; trang 546 Sổ Địa chính quyển 3 cũ). Theo bản đồ đo đạc hệ tọa độ chính quy VN2000, thửa đất số 1183 được đo đạc thành thửa số 492, tờ bản đồ 29, diện tích 973m^2 (trang 30 Sổ Địa chính quyển 3 mới) và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành H 7164 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 05/11/2007.

Việc cấp đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất đối với hộ ông Bùi Quốc P, hộ ông Bùi Thanh T là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

2.2. Về vị trí, ranh giới giữa hai thửa đất, biến động sử dụng đất:

So sánh giữa hai hệ thống hồ sơ địa chính, nhận thấy: hai thửa đất số 847 và 492, đều thuộc tờ bản đồ số 29 (cũ là thửa số 1182 và 1183, tờ bản đồ số 01) tuy có số hiệu cách xa nhau nhưng thực tế nằm liền kề nhau. Theo bản đồ 299 thể hiện

ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng. Từ khi cấp đất đến nay, cả hai thửa đất số 847 và 492, đều thuộc tờ bản đồ số 29 không bị thu hồi phần diện tích nào.

Thực tế qua đo đạc lại theo bản đồ hệ tọa độ VN2000, hai thửa đất số 847 và 492, đều thuộc tờ bản đồ số 29 đều có diện tích tăng hơn so diện tích được cấp ban đầu. Lý do: sai số đo đạc.

[3] Trong quá trình sử dụng đất, bên nguyên đơn xác nhận có cho bị đơn mượn đất để sử dụng một thời gian. Sau đó khi đòi lại thì bên ông T, bà N không chịu trả đất. Ông T cũng thừa nhận thửa đất số 1182, tờ bản đồ 01, diện tích 410m^2 (G2, xã TG, huyện TS) là đất cấp cho hộ ông Bùi Quốc P theo Nghị định 64/CP, nhưng nại rằng vợ chồng ông P đã bán thửa này cho vợ chồng ông khoảng năm (giá 50.000đ); rồi ông đã nhập thửa đất này với thửa đất số 492 nằm liền kề của ông làm một thửa, canh tác từ đó đến nay; đã làm thủ tục xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định, không chấp nhận trả đất cho nhà ông P. Nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc mua bán đất, bên ông P không thừa nhận sự việc này nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Do vậy, việc ông Bùi Thanh T, bà Huỳnh Thị N chiếm dụng, canh tác thửa đất thửa số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 được cấp hợp pháp cho hộ ông Bùi Quốc P là không có căn cứ, không phù hợp với các quy định tại các Điều 26, 31 Luật Đất đai năm 2024; việc ông Bùi Quốc P, bà Huỳnh Thị L và các con là: Bùi Quốc H, Bùi Thị Mỹ L1, Bùi Thị Mỹ L2, Bùi Thiên P1 yêu cầu buộc ông T bà N khai thác toàn bộ cây keo trên đất để trả lại thửa đất số 847 cho gia đình ông P toàn quyền sử dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 166, 212 BLDS, nghị nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí định giá tài sản, đo vẽ:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

+ Ông Bùi Thanh T là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí, nên phải chịu 300.000đ án phí;

+ Ông Bùi Quốc P không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho ông P 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

- Chi phí thẩm định tài sản, đo vẽ: Ông Bùi Quốc P đã dự nộp trước 4.000.000đ, cần buộc ông Bùi Thanh T phải giao lại cho ông P 4.000.000đ.

[6] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 26, 31 của Luật đất đai năm 2024;

Áp dụng các Điều 163, 164, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc P:

- Buộc ông Bùi Thanh T, bà Huỳnh Thị N phải khai thác toàn bộ cây bạch đàn trên đất để trả lại đất trống thửa đất số 847, tờ bản đồ 29, diện tích 432m^2 (đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn G2, xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định (cũ) cho hộ ông Bùi Quốc P toàn quyền sử dụng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Thanh T về việc ông Bùi Quốc P, bà Huỳnh Thị L đã chuyển nhượng thửa đất 847 cho vợ chồng ông với giá 50.000đ, không chấp nhận trả đất vì không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí định giá, đo vẽ:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Thanh T phải chịu án phí với số tiền 300.000đ;

- Ông Bùi Quốc P không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông P số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) - tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003650 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (cũ).

2.2. Chi phí định giá tài sản, đo vẽ:

Buộc ông Bùi Thanh T phải trả lại cho ông Bùi Quốc P số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại P tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại P tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 4;
- PTHA dân sự KV4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam